

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu số 02

PHƯƠNG ÁN

**SỬ DỤNG TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG PHỤC VỤ CHO CÔNG
TÁC QUẢN LÝ, BẢO VỆ RỪNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 CỦA XÃ (THỊ
TRẤN)... HUYỆN (THÀNH PHỐ)... TỈNH KON TUM**



....., tháng.....năm

PHẦN I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Sự cần thiết xây dựng phương án

Rừng là tài nguyên quý giá của đất nước, là bộ phận quan trọng của hệ sinh thái, có giá trị to lớn về kinh tế, xã hội và môi trường, cần được quản lý bảo vệ để phục vụ lợi ích xã hội. Bảo vệ rừng, bảo vệ hệ sinh thái rừng để duy trì môi trường sống, bảo vệ nguồn nước cho sản xuất, sinh hoạt, tăng độ che phủ của rừng. Trong những năm qua, thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) đã huy động một nguồn tài chính lớn cho ngành lâm nghiệp thực hiện bảo vệ, phát triển rừng theo hướng bền vững.

Ủy ban nhân dân xã (thị trấn)..... được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý, bảo vệ rừng, đặc biệt là diện tích có cung ứng DVMTR cho các đơn vị sử dụng DVMTR. Tổng diện tích đất lâm nghiệp là ha, trong đó diện tích đất có rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng là ha.

Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; để đảm bảo có đầy đủ cơ sở pháp lý thực hiện chính sách chi trả tiền DVMTR theo quy định hiện hành của nhà nước và điều kiện thực tế của địa phương, UBND xã (thị trấn).....xây dựng Phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng giai đoạn 2021 – 2025 của xã (thị trấn)...., cụ thể như sau:

2. Căn cứ pháp lý xây dựng phương án

- Luật Lâm nghiệp năm 2017;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng;
- Các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 1307/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 về việc phê duyệt điều chỉnh kết quả kiểm kê rừng tỉnh Kon Tum năm 2014; số 1353/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2017 về việc phê duyệt Đề án điều chỉnh triển khai thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; số 1508/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh diện tích 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum;
- Hướng dẫn số 01/HD-LN ngày 6 tháng 6 năm 2019 của liên ngành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh về việc Quản lý và sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum;
- Các văn bản khác có liên quan.

PHẦN II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ RỪNG TRONG THỜI GIAN QUA

I. Điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội

1. Vị trí địa lý.
2. Địa hình.
3. Khí hậu, thủy văn.
 - 3.1 Khí hậu.
 - 3.2. Thủy văn.
4. Đặc điểm kinh tế, xã hội
 - 4.1. Dân tộc:
 - 4.2. Dân số:
 - 4.3. Lao động:
 - 4.4. Cơ sở hạ tầng:
 - a/ Giao thông:
 - b/Y tế:
 - c/ Giáo dục:

II. Đánh giá thực trạng công tác quản lý bảo vệ rừng

1. Hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp

Theo kết quả Kiểm kê rừng năm 2014 và kết quả theo dõi diễn biến rừng được UBND tỉnh Kon Tum công bố năm thì tổng diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn xã (thị trấn)..... làha, bao gồm diện tích đất có rừng là ha; diện tích đất chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp là ha. Diện tích rừng được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý, bảo vệ làha, trong đó:

- Diện tích rừng cung ứng DVMTR là.....ha, gồm có:
 - + Diện tích rừng tự nhiên.....ha (*rừng tự nhiên phòng hộ.....ha; rừng tự nhiên sản xuất.....ha*).
 - + Diện tích rừng trồng.....ha (*rừng trồng phòng hộ.....ha; rừng trồng sản xuất.....ha*).
- Diện tích rừng không cung ứng DVMTR là.....ha, gồm có:
 - + Diện tích rừng tự nhiên.....ha (*rừng tự nhiên phòng hộ.....ha; rừng tự nhiên sản xuất.....ha*).

+ Diện tích rừng trồng.....ha (*rừng trồng phòng hộ.....ha; rừng trồng sản xuất.....ha*).

2. Kết quả thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn xã (thị trấn) trong thời gian qua

(*UBND xã, thị trấn nêu kết quả đạt được, những hạn chế bất cập trong công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn quản lý*).

3. Đánh giá kết quả, quản lý sử dụng tiền DVMTR trong thời gian qua

(*UBND xã, thị trấn tự đánh giá về tình hình sử dụng tiền DVMTR trong thời gian qua*).

4. Đánh giá chung

PHẦN III

NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

I. Nội dung thuyết minh

1. Tên phương án: Phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng giai đoạn 2021 – 2025 của xã (thị trấn).....

2. Thời gian thực hiện phương án: Từ năm 2021 đến năm 2025.

3. Phạm vi và qui mô của phương án

3.1. Phạm vi

Phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng giai đoạn 2021-2025 được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý bảo vệ rừng của xã huyện , bao gồm các tiểu khu:

3.2. Quy mô

Quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý, đặc biệt là diện tích rừng có cung ứng DVMTR, cụ thể như sau:

Tổng diện tích rừng có cung ứng DVMTR trên địa bàn xã (thị trấn) là ha, trong đó:

- Phân theo chức năng 3 loại rừng:

+ Rừng phòng hộ:..... ha;

+ Rừng sản xuất:ha.

- Phân theo nguồn gốc hình thành rừng:

+ Rừng tự nhiên: ha;

+ Rừng trồng: ha.

(*chi tiết có biểu tổng hợp diện tích rừng và bản đồ kèm theo*)

4. Mục tiêu

Sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng để tổ chức quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, phát triển diện tích rừng mới (*nếu có*); phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp trên địa bàn, hạn chế tối đa các tác động xâm hại đến tài nguyên rừng.

5. Yêu cầu

Quản lý, sử dụng tiền DVMTR phục vụ cho công tác quản lý bảo vệ rừng theo quy định tại Khoản 4 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Hướng dẫn số 01/HD-LN ngày 6 tháng 6 năm 2019 của liên ngành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh về việc quản lý và sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum và các văn bản liên quan khác.

6. Nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng

6.1. Nội dung bảo vệ rừng

- Bảo vệ diện tích rừng được Nhà nước giao quản lý, bảo vệ;
- Hướng dẫn cộng đồng dân cư thôn xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước bảo vệ phát triển rừng trên địa bàn phù hợp với quy định của pháp luật;
- Tổ chức các hoạt động phòng cháy chữa cháy rừng; phòng chống các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp;

6.2. Các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện công tác bảo vệ rừng

- Tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo vệ rừng;
- Xây dựng quy chế bảo vệ rừng cấp xã;
- Tuần tra, truy quét các hoạt động xâm hại rừng;
- Phòng cháy chữa cháy rừng, phòng trừ sâu bệnh hại rừng;
- Hợp đồng bảo vệ rừng;
- Thiết lập tổ, đội chuyên trách về bảo vệ rừng.

7. Phương án sử dụng tiền DVMTR

7.1. Tổng kinh phí thực hiện phương án

Trên cơ sở xác định dự kiến nguồn thu tiền cho cả giai đoạn 2021- 2025⁽¹⁾ là.....đồng, UBND xã (thị trấn)..... xác định các nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn xã (thị trấn)....., cụ thể như sau:

⁽¹⁾ Tiền DVMTR còn tồn của năm trước (*nếu có*) và dự kiến nguồn tiền chi trả DVMTR nhận được từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 và các nguồn thu hợp pháp khác.

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung chi	Tổng	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	2	$3=4+5+6+7+8$	4	5	6	7	8
1	Chi cho người bảo vệ rừng						
2	Xăng dầu cho phương tiện tuần tra, kiểm tra rừng						
3	Hỗ trợ cho những người được huy động tham gia ngăn chặn chống chặt phá rừng và chữa cháy rừng bị tai nạn, thương tật						
4	Bồi dưỡng làm đêm, làm thêm giờ, công tác kiêm nhiệm						
5	Phổ biến tuyên truyền giáo dục pháp luật và tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, bảo vệ rừng						
6	Hội nghị, hội thảo sơ kết, tổng kết và công tác thi đua khen thưởng						
7	Các khoản chi khác						
Tổng cộng							

Ghi chú: Các khoản chi khác UBND xã chịu trách nhiệm về nội dung chi nhưng phải đảm bảo mục tiêu phục vụ cho công tác quản lý bảo vệ rừng.

7.2. Nguồn kinh phí thực hiện: Tiền DVMTR còn tồn của năm trước (nếu có) và nguồn chi trả DVMTR được nhận từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

II. Giải pháp thực hiện phương án

1. Giải pháp về bảo vệ rừng

1.1. Giải pháp tuyên truyền

- Đổi mới phương pháp, hình thức, nội dung tuyên truyền.
- Tăng cường tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng với nhiều hình thức khác nhau.
- Chú trọng tuyên truyền trực tiếp đến người dân những khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.
- Chú trọng đến việc chia sẻ trách nhiệm và lợi ích giữa Nhà nước, cộng đồng dân cư thôn và chủ rừng, hộ gia đình, cá nhân trong quá trình phát hiện, ngăn chặn và xử lý các vụ vi phạm Luật lâm nghiệp;

- Xây dựng các quy ước, hương ước và thành lập các Ban quản lý bảo vệ và phát triển rừng cấp thôn để người dân trong thôn có cùng tiếng nói, cùng hành động thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn xã.

1.2. Công tác phòng cháy chữa cháy rừng, phòng trừ sâu bệnh hại rừng.

- Chính quyền địa phương chủ động xây dựng, phê duyệt phương án phòng cháy chữa cháy rừng hàng năm và giai đoạn theo hướng dẫn của cơ quan Kiểm lâm và triển khai thực hiện theo quy định.

- Tăng cường công tác phòng cháy chữa cháy rừng tại các khu vực trọng điểm cháy trên địa bàn.

- Thường xuyên tuần tra, kiểm tra kết hợp quan sát để phát hiện sâu bệnh hại, đề ra các biện pháp phòng, trừ sinh vật gây hại rừng (nếu có).

1.3. Giải pháp ngăn chặn tình trạng phá rừng trái pháp luật

- Thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm tra rừng, kịp thời phát hiện các hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng.

- Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm Luật lâm nghiệp đối với tổ chức, cá nhân hủy hoại tài nguyên rừng, lấn chiếm đất trái phép theo quy định.

- UBND cấp xã phối hợp với các phòng ban liên quan rà soát, thống kê diện tích đất nương rẫy trên địa bàn, xác định nhu cầu đất còn thiếu để làm cơ sở quy hoạch vùng sản xuất nương rẫy, ổn định đất sản xuất cho người dân.

- Chủ rừng phải thực hiện đúng trách nhiệm trong việc quản lý, bảo vệ diện tích rừng được giao.

- Lực lượng Kiểm lâm tăng cường tham mưu chính quyền địa phương các cấp chủ động lập kế hoạch và xác định rõ thời điểm, địa điểm thường xảy ra vi phạm về phá rừng để triển khai tuần tra, truy quét.

- Quản lý chặt chẽ tình hình di dân tự do; phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra và kiên quyết cưỡng chế tất cả những người di cư tự do, cư trú bất hợp pháp ra khỏi địa bàn, đặc biệt là những hộ cư trú gần rừng.

1.4. Phối hợp với các Phòng, ban liên quan của UBND huyện (thành phố) xây dựng Phương án giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn quản lý trên lâm phần diện tích do UBND xã, thị trấn quản lý theo Quyết định số 1006/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Phương án giao rừng, cho thuê rừng để bảo vệ và phát triển rừng bền vững kết hợp với kinh doanh cảnh quan du lịch, sản xuất nông lâm nghiệp dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Giải pháp về dụng nguồn vốn để thực hiện công tác bảo vệ và phát triển rừng

- Sử dụng hiệu quả nguồn tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn xã (thị trấn).

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hộ gia đình cá nhân tham gia vào công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Huy động, kêu gọi nguồn vốn của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và các thành phần kinh tế tham gia đầu tư trồng rừng.

3. Giải pháp về tổ chức thực hiện

- Hàng năm, căn cứ Phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng giai đoạn 2021 - 2025 của xã (thị trấn)... đã được Ủy ban nhân dân huyện (thành phố) phê duyệt; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập dự toán, chế độ kế toán và quyết toán tài chính UBND xã thực hiện theo Hướng dẫn số 01/HD-LN ngày 6 tháng 6 năm 2019 của liên ngành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh về việc Quản lý và sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Đảng ủy, UBND xã phải xác định công tác quản lý bảo vệ rừng là nhiệm vụ ưu tiên, trọng tâm, thường xuyên. Huy động sức mạnh của tập thể với sự tham gia cụ thể, thiết thực của các cấp, đoàn thể và người dân trên địa bàn tham gia vào công tác bảo vệ và phát triển rừng. Chỉ đạo trực tiếp, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn của đội tuần tra, bảo vệ rừng; mua sắm phương tiện, công cụ hỗ trợ bảo vệ rừng. Chịu trách nhiệm về kết quả bảo vệ rừng của địa phương với UBND cấp huyện.

- Thường xuyên tham mưu kiện toàn, củng cố Ban chỉ đạo công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng xã; phân công, phân nhiệm cụ thể cho các thành viên; xây dựng kế hoạch công tác của Ban chỉ đạo nhằm chủ động, ứng phó kịp thời trong trường hợp xảy ra các tình huống gây thiệt hại đến tài nguyên rừng.

- Xây dựng quy chế phối hợp trong công tác quản lý, bảo vệ rừng giữa chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội cấp xã và Ban quản lý các thôn.

- Xác định các khu vực trọng điểm, có nguy cơ cao tác động tiêu cực đến diện tích rừng có cung ứng DVMTR trên địa bàn xã.

- Xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng, diễn tập chữa cháy rừng hàng năm; quy hoạch vùng sản xuất nương rẫy.

- Thành lập và duy trì hoạt động của các tổ đội quần chúng bảo vệ rừng, nòng cốt là dân quân tự vệ, công an, xã đội để huy động các lực lượng trên địa bàn kịp thời ngăn chặn các hành vi hủy hoại tài nguyên rừng, phòng cháy chữa cháy rừng theo phương án 04 tại chỗ (*chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ*), giám sát các hoạt động có tác động vào rừng trên địa bàn xã.

- Tuyên truyền, vận động nhân dân cùng tham gia vào công tác quản lý, bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng.

- Báo cáo kết quả quản lý bảo vệ rừng 06 tháng, một năm diện tích rừng cung ứng DVMTR về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với diện tích có cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

- Xây dựng, thành lập các tổ quần chúng quản lý bảo vệ rừng phòng cháy, chữa cháy rừng cấp thôn, xây dựng quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong Tổ; Kịp thời bình xét, đề nghị khen thưởng cho các cá nhân, hộ gia đình có thành tích, trách nhiệm cao trong công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng của thôn.

III. Hiệu quả của Phương án

- Diện tích rừng trên địa bàn xã (thị trấn)... được quản lý, bảo vệ và phát triển, góp phần tăng độ che phủ diện tích rừng trên địa bàn huyện (thành phố), từ đó góp phần tăng độ che phủ diện tích rừng trên địa bàn tỉnh. Chống xói mòn, duy trì và bảo vệ nguồn nước phục vụ cuộc sống sinh hoạt và sản xuất của nhân dân, cho các công trình thủy điện phát điện. Góp phần tạo công ăn việc làm, cải thiện cuộc sống cho các hộ dân trong xã(thị trấn) tham gia sản xuất lâm nghiệp.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm cán bộ và nhân dân trong xã (thị trấn) về tầm quan trọng của tài nguyên rừng.

Phần IV

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng giai đoạn 2021 - 2025 của xã (thị trấn) được xây dựng dựa trên cơ sở các quy định hiện hành của nhà nước, phù hợp với các điều kiện kinh tế xã hội và tài nguyên rừng trên địa bàn xã (thị trấn) quản lý.

Phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng giai đoạn 2021 - 2025 là cơ sở để UBND xã (thị trấn) triển khai kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn xã.

2. Kiến nghị

Kính đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch, Hạt Kiểm lâm xem xét, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân huyện (thành phố)..... phê duyệt để UBND xã (thị trấn).....có cơ sở triển khai thực hiện./.

....., ngày.....tháng.....năm

TM. UBND XÃ.....

CHỦ TỊCH